TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: **01**/2022/LĐ-GĐT
Ngày 23/6/2022
Về: *"Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Phước Thanh– Thẩm phán;

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm và ông Lê Tự.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án lao động *"Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động",* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Đỗ Thanh Ch; sinh năm 1960; trú tại: N, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: S tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Hồng T - chức vụ: Giám đốc S tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền; ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1977 chức vụ: Chánh Thanh tra S tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: B tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn S - chức vụ: Giám đốc B tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn B - chức vụ: Phó trưởng phòng thanh tra kiểm tra B tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đỗ Thanh Ch trình bày:

Ông Đỗ Thanh Ch ký hợp đồng lao động với S tỉnh Đắk Lắk từ tháng 09/2004, nội dung hợp đồng làm công việc là bảo vệ, thời hạn hợp đồng là 03 tháng, sau khi kết thúc hợp đồng lao động đầu tiên thì ông Đỗ Thanh Ch ký các hợp đồng lao động với S tỉnh Đắk Lắk tiếp theo có thời hạn đều 01 năm (các hợp đồng lao động năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009). Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ (Hợp đồng lao động cuối cùng) ngày 06/01/2009 ông Đỗ Thanh C ký với S tỉnh Đắk Lắk có thời hạn là 12 tháng (từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2010) công việc là bảo vệ, mức lương là l.000.000đ/tháng.

Tháng 5/2009 ông Đỗ Thanh Ch ký hợp đồng lao động với Phòng C với công việc là bảo vệ, thời hạn hợp đồng có thời hạn 01 năm, mức lương là l.000.000đ/tháng. Sau khi hết thời hạn thì ký tiếp các hợp đồng lao động có thời hạn cụ thể là: Năm 2010 và 2011 thời hạn 12 tháng; Năm 2012 thời hạn 06 tháng; Năm 2013 thời hạn 04 tháng; Năm 2014 và 2015 thời hạn 06 tháng, về tiền lương và các chế độ chi trả từ thời điểm tháng 9/2004 đến tháng 4/2009 do Phòng kế toán của S trả; Từ tháng 5/2009 đến tháng 9/2015 là do kế toán Phòng C chi trả. Đến khi thấy lương ít ông Đỗ Thanh Ch lên hỏi Chánh văn phòng S thì được trả lời có vậy thôi làm được thì làm không làm được thì nghỉ, nên ông Đỗ Thanh Ch vẫn tiếp tục làm việc chịu sự điều hành của Chánh văn phòng và Trưởng phòng công chứng.

Đến tháng 09/2015 Phòng C không ký hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh Ch, vì Phòng C chuyển trụ sở và không có nhu cầu bảo vệ. Vì thấy thiệt thòi nhiều ông Đỗ Thanh Ch làm đơn kiện ra Tòa án yêu cầu thanh toán các chế độ thì mới phát hiện ra S tỉnh Đắk Lắk đã tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động ngày 06/01/2009 giữa ông Đỗ Thanh Ch với S tỉnh Đăk Lắk có thời hạn hợp đồng là 12 tháng từ ngày 01/01/2009 đến 01/01/2010 công việc là bảo vệ, mức lương là l.000.000đ/tháng theo Quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 nhưng không có thông báo và gửi cho ông Đỗ Thanh Ch biết quyết định này (Sau khi khởi kiện, đến tháng 01/2017 ông Đỗ Thanh Ch mới được biết do Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk cung cấp, quyết định không có đóng dấu).

Ông Đỗ Thanh Ch đã làm đơn khởi kiện đối với S tỉnh Đắk Lắk và Phòng C, các cấp Tòa án đã xét xử xong và có hiệu lực pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của Ông đối với Phòng C nên ông Ch không có ý kiến, yêu cầu gì đối với Phòng C.

Đối với S tỉnh Đắk Lắk do chưa giải quyết xong nên ông Đỗ Thanh Ch tiếp tục yêu cầu kiện đối với S tỉnh Đắk Lắk vì đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với Ông (Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ ngày 06/01/2009). Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề bao gồm:

Buộc S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường cho ông Đỗ Thanh Ch vì đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp, luật (Quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 V/v chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn của S tỉnh Đắk Lắk đối với Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ ngày 06/01/2009) các khoản như sau :

Thời gian yêu cầu bồi thường từ ngày 01/05/2009 đến ngày xét xử.

- Trả tiền lương: 407.991.000đ (Áp dụng mức lương tối thiểu hàng năm của doanh nghiệp, theo hợp đồng cuối cùng là l.000.000đ/tháng, mức lương tối thiểu 690.000đ/tháng chia ra là 1,449%. Do vậy tiền lương được tính hàng năm là: Năm 2009: lương l.000.000đ/tháng X 8 tháng = 8.000.000đ; Năm 2010: lương 1.171.000đ/tháng X 12 tháng = 14.084.000đ; Năm 2011: lương 1.521.000đ/tháng X 12 tháng = 18.257.000đ; Năm 2012: lương 2.245.000đ/tháng X 12 tháng = 26.95l.000đ; Năm 2013: lương 2.608.000đ/tháng X 12 tháng = 31.298.000đ; Năm 2014: lương 3.042.830đ/tháng X 12 tháng = 36.514.000đ; Năm 2015: lương 3.477.583đ/tháng X 12 tháng = 41.73l.000đ; Năm 2016: lương 3.912.250đ/tháng X12 tháng = 46.947.000đ; Năm 2017: lương 4.202.083đ/tháng X12 tháng = 50.425.000đ; Năm 2018: lương 4.477.333đ/tháng X 12 tháng = 53.728.000đ; Năm 2019: lương 4.709.167đ/tháng X 12 tháng = 56.510.000đ; Năm 2020: lương 4.715.200đ/thángx 5 tháng = 23.576.2504; tổng cộng: 407.991.000đ).

- Trả tiền bảo hiểm xã hội: tổng lương 407.99l.000đ X 15% = 61.198.650đ.

- Trả 02 tháng tiền lương theo khoản 1 điều 42 Bộ luật lao động là: 9.418.000đ.

Trợ cấp thôi việc: 5,5 tháng X 4.709.000đ/tháng = 25.899.500đ.

Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước: 214.000đ/ngày X 45 ngày = 9.630.000đ.

Tổng cộng: 514.136.000đ.

Đối với khoản tiền bảo hiểm y tế, ông Ch không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải trả và không yêu cầu S nhận ông Ch trở lại làm việc.

Ngoài ra ông Đỗ Thanh Ch không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

- Người đại điện theo ủy quyền của bị đơn S tỉnh Đắk Lắk - ông Nguyễn Xuân Th trình bày:

S tỉnh Đắk Lắk có ký hợp đồng lao động với ông Đỗ Thanh Ch từ tháng 09/2004, nội dung hợp đồng với công việc làm bảo vệ, thời hạn hợp đồng là 03 tháng, sau khi kết thúc hợp đồng lao động đầu tiên thì S tỉnh Đắk Lắk ký các hợp đồng lao động với ông Ch tiếp theo có thời hạn đều 01 năm (các hợp đồng lao động năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009). Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ (Hợp đồng lao động cuối cùng) ngày 06/01/2009 S tỉnh Đắk Lắk ký với ông Ch có thời hạn là 12 tháng (từ ngày 01/01/2009 đến 01/01/2010) công việc là bảo vệ, mức lương là 1.000.000/tháng.

Đến ngày 09/3/2009 S tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định số 34/QĐ-STP V/v chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn giữa ông Ch với S tỉnh Đắk Lắk. Lý do vì điều kiện ngân sách nhà nước chi trả cho các đôi tượng ngoài biên chế không đủ, nên S chỉ đạo Phòng C ký hợp đồng lao động với ông Ch và sử dụng nguồn thu của Phòng C để trả lương (Vì Phòng C là đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chịu sự quản lý của S và có cùng trụ sở với Sở Tư pháp). Trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông Ch thì S đã gặp gỡ và thông báo với ông Ch các nội dung có liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Ch và chuyển ông sang ký hợp đồng lao động với Phòng C và ông Ch đồng ý không thắc mắc gì (Việc trao đổi thông báo trên chỉ trao đổi miệng và trao tay quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 V/v chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn không có lập biên bản trao đổi làm việc và giao nhận, nên không có tài liệu chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án). Từ khi có quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 nêu trên, thì S tỉnh Đắk Lắk không chi trả cho ông Ch khoản tiền nào khác (Đã trả lương cho ông Ch đến hết tháng 4/2009).

Nay ông Ch khởi kiện ý kiến S tỉnh Đắk Lắk như sau:

Ông Ch đã biết rõ việc S tỉnh Đắk Lắk chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn với ông Ch và chuyển sang ký hợp đồng lao động với Phòng C. Việc ông Ch khởi kiện S tỉnh Đắk Lắk như trên là không có căn cứ vì thực tế trong giai đoạn này giữa S tỉnh Đắk Lắk và ông Ch không ký kêt hợp đồng lao động để thực hiện công việc và trả lương (S và Phòng công chứng sọ 1 không thể ký 02 hợp đồng lao động riêng biệt để làm bảo vệ cho cùng một trụ sở là cơ quan S với cùng một người trong cùng một thời gian làm việc. Trong thời gian từ khi ký hợp đồng lao động với Phòng C (từ tháng 5/2009 đến hết tháng 9/2015) hàng tháng ông Ch chỉ nhận tiền công do Phòng C chi trả mà không còn được nhận tiền công chi trả từ Sở Tư pháp, nhưng S không nhận được bất cứ ý kiến, thắc mắc gì từ ông Ch đối với việc S không chi trả tiền công cho ông trong giai đoạn trên).

Theo quy định tại khoản 2 điều 202 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2 điều 184 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ việc đã hết thời hiệu khởi kiện (tính từ tháng 5/2009 đến nay đã hơn 10 năm). Do đó, S đề nghị Tòa án áp dụng các quy định về thời hiệu để giải quyết vụ án này.

S tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chương; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch.

Người đại diện theo ủy quyền của B tỉnh Đắk Lắk - ông Trương Vân B trình bày:

Căn cứ khoản 3 Điều 33 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 12/01/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động thì trường hợp

kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật thì người sử dụng lao động có nghĩa vụ thực hiện các quy định các khoản 1, 2, 3,4 Điều 42 Bộ luật Lao động.

Căn cứ Hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ ký ngày 06/01/2009 giữa ông Ch với S tỉnh Đắk Lắk, mức lương mà ông Ch được hưởng là l.000.000đ/tháng. Đây là mức tiền lương được làm căn cứ để thực hiện bồi thường cho ông Ch từ năm 2009 đến năm 2019.

Theo quy định tại Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương thì tiền lương, tiền công trả cho người lao động, đồng thời cũng là cơ sở để thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thấp nhất cũng bằng với mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

Theo các Nghị định quy định mức lương tối thiểu vùng của Chính phủ, mức lương tối thiểu vùng 3 (trong đó có thành phố B) từ năm 2011 là 1.050.000 đồng/tháng, mức lương tối thiểu vùng 3 năm 2019 là 3.250.000 đồng/tháng, chưa tính mức phụ cấp đào tạo, phụ cấp nặng nhọc, độc hại (nếu có). Như vậy, mức tiền lương 1.000.000 đồng/tháng theo Hợp đồng lao động số 03/HĐLĐ nêu trên không đủ cơ sở để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc kể từ năm 2011 đến năm 2019 đối với ông Đỗ Thanh Ch.

Trường hợp nếu S ra quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 chấm dứt hợp đông lao động trước thời hạn với ông Ch trái pháp luật, thì sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật và về chế độ B được trả bằng tiền trên mức lương phải bồi thường.

1. Tại Bản án số 01/2020/LĐST ngày 06/5/2020, Toà án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch về yêu cầu bồi thường do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Buộc S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường cho ông Đỗ Thanh Ch các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tổng cộng là 151.900.000đ *(Một trăm năm mươi mốt triệu chín trăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh Ch về việc yêu cầu bị đơn S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường số tiền 362.236.000đ (Tổng cộng yêu cầu bồi thường là 514.136.000đ, phần được chấp nhận là 151.900.000đ, phần không được chấp nhận là 362.236.000đ).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Thanh Ch về việc không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải trả tiền bảo hiểm y tế khi bồi thường và không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải nhận ông Ch trở lại làm việc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2020, bị đơn S tỉnh Đắk Lắk kháng cáo toàn bộ bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LDST ngày 06/5/2020 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản án lao động phúc thẩm số 08/2020/LĐ-PT ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn S tỉnh Đắk Lắk.

Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh ĐắkLắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch về yêu cầu bồi thường do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Buộc S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường cho ông Đỗ Thanh Ch các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tổng cộng là 145.853.000đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn đồng). :

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh Ch về việc yêu cầu bị đơn S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường số tiền 368.282.667 đồng (Tổng cộng yêu cầu bồi thường là 514.136.000đ, phần được chấp nhận là 145.853.000 đồng, phần không được chấp nhận là 368.283.000 đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Thanh Ch về việc không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải trả tiền bảo hiểm y tế khi bồi thường và không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải nhận ông Ch trở lại làm việc.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/QĐKNGĐT-VKS-LĐ ngày 01/12/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án lao động phúc thẩm số 08/2020/LĐ-PT ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 03/2021/LĐ-GĐT ngày 23/9/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định: hủy Bản án lao động phúc thẩm số 08/2020/LĐ-PT ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án lao động phúc thẩm số 01/2022/LĐ-PT ngày 13/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 68; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn S tỉnh Đắk Lắk.

Sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 01/2020/LĐST ngày 06/5/2020 của Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch về yêu cầu bồi thường do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Buộc S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường cho ông Đỗ Thanh Ch các khoản tiền do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật tổng cộng là 145.853.000 (Một trăm bốn mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Thanh Ch về việc yêu cầu bị đơn S tỉnh Đắk Lắk phải bồi thường số tiền 368.282.667 đồng (Tổng cộng yêu cầu bồi thường là 514.136.000đ, phần được chấp nhận là 145.853.000 đồng, phần không được chấp nhận là 368.283.000 đồng).

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Thanh Ch về việc không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải trả tiền bảo hiểm y tế khi bồi thường và không yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk phải nhận ông Ch trở lại làm việc.

Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Sau khi xét xử phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Văn bản

đề nghị kháng nghị số 75/TB-VKS-LĐ ngày 27/01/2022 và S tỉnh Đắk Lắk có đơn đề nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án lao động phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 37/QĐ-VC2-LĐ ngày 12/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đối với Bản án lao động phúc thẩm số 01/2022/LĐ-PT ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng căn cứ khoản 5 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử giám đốc thẩm: Sửa toàn bộ Bản án phúc thẩm nêu trên theo hướng không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch và xem xét lại phần án phí theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào tháng 9 năm 2004, S tỉnh Đắk Lắk ký hợp đồng lao động *(sau đây viết tắt là HĐLĐ)* lần đầu đối với ông Đỗ Thanh Ch và sau khi kết thúc HĐLĐ lần đầu thì S tỉnh Đắk Lắk với ông Ch tiếp tục ký kết các HĐLĐ năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và 2009.

Trong thời gian ông Đỗ Thanh Ch thực hiện HĐLĐ số 01/HĐLĐ ngày 06/01/2009 *(thời hạn 1 năm, kể từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2010)* với S tỉnh Đắk Lắk thì ngày 05/5/2009, ông Đỗ Thanh Ch ký HĐLĐ số 03/HĐLĐ với Trưởng Phòng C *(thời hạn 01 năm, kể từ ngày 05/5/2009 đến ngày 5/5/2010)* và sau khi kết thúc thời hạn tại HĐLĐ số 03/HĐLĐ thì ông Ch tiếp tục ký kết các HĐLĐ năm 2011, năm 2012, năm 2013, năm 2014 và năm 2015 với Trưởng Phòng C. Tất cả các HĐLĐ giữa S tỉnh Đắk Lắk với ông Đỗ Thanh Ch từ năm 2004 đến năm 2009 và các HĐLĐ giữa Trưởng Phòng C với ông Đỗ Thanh Ch từ năm 2009 đến năm 2015 đều có nội dung công việc là nhân viên bảo vệ; địa điểm làm việc tại S tỉnh Đắk Lắk, chế độ làm việc là 24 giờ/ngày và tiền lương ông Ch được hưởng là l.000.000đ/tháng.

Như vậy, từ ngày bắt đầu làm việc từ năm 2004 đến khi nghỉ việc năm 2015 ông Ch làm cùng một công việc là nhân viên bảo vệ, cùng địa điểm làm việc là bảo vệ khuôn viên của S tỉnh Đắk Lắk *(Phòng C có cùng trụ sở với Sở Tư pháp)*, có mức lương l.000.000đ/tháng và theo quy định tại Điều 21 Bộ luật lao động năm 2012 thì ông Ch được quyền cùng ký kết, thực hiện cả 02 hợp đồng lao động; đó là: HĐLĐ số 01/HĐLĐ ngày 06/01/2009 với S tỉnh Đắk Lắk và HĐLĐ số 03/HĐLĐ ngày 05/5/2009 với Trưởng Phòng C.

Tuy nhiên, S tỉnh Đắk Lắk cho rằng vì điều kiện ngân sách nhà nước không đủ chi trả cho các đối tượng ngoài biên chế nên S chỉ đạo Phòng C (*Phòng C là đơn vị sự nghiệp trực thuộc, chịu sự quản lý của S và có cùng trụ sở với Sở Tư pháp*) ký hợp đồng lao động với ông Ch và sử dụng nguồn thu của Phòng C để trả lương theo hợp đồng cho ông Chương; trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông Ch (*Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009*) thì S đã thông báo các nội dung có liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Chương, được ông Ch đồng ý chuyển sang ký hợp đồng lao động với Phòng C. Lời khai của S tỉnh Đắk Lắk phù hợp với lời khai của ông Đỗ Xuân B nguyên là Giám đốc S tỉnh Đắk Lắk- là người ký HĐLĐ cuối cùng với ông Ch (*HĐLĐ số 01/HĐLĐ ngày 06/01/2009*), đồng thời là người ký ban hành Quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 và bà Đỗ Thị Hồng T là Trưởng Phòng C người ký HĐLĐ đầu tiên với ông Ch (*HĐLĐ số 03/HĐLĐ ngày 05/5/2009*); đều trình bày: *ông Ch ký hợp đồng lao động với Phòng C là do có chủ trương của cấp ủy, lãnh đạo S tỉnh Đắk Lắk; được đưa ra thảo luận tại các cuộc họp giao ban, ông Ch đồng ý với việc chấm dứt hợp đồng lao động của S tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ký hợp đồng với Phòng C, ông Ch làm việc bình thường, không có khiếu nại hay khởi kiện gì về việc chấm dứt hợp đồng lao động của S tỉnh Đắk Lắk*; phù hợp với lời trình bày thừa nhận của ông Ch tại đơn thay đổi nội dung khởi kiện, bản tự khai ngày 12/12/2019 về việc sau khi ký hợp đồng lao động với Phòng C (*HĐLĐ số 03/HĐLĐ ngày 05/5/2009*), ông Ch chỉ nhận lương của Phòng C và không tiếp tục nhận lương của S tỉnh Đắk Lắk; việc ông không không nhận lương theo HĐLĐ của S tỉnh Đắk Lắk từ tháng 05/2009 đến khi nghỉ việc tại Phòng C tháng 09/2015, ông Ch không có ý kiến hoặc khiếu nại với S tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định: S tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 34/QĐ-STP ngày 09/3/2009 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn đối với ông Ch để ông Ch ký kết HĐLĐ với Phòng C đã được ông Ch thỏa thuận đồng ý nhưng Tòa án cấp phúc thẩm nhận định HĐLĐ số 01/HĐLĐ ngày 06/01/2009 và HĐLĐ số 03/HĐLĐ ngày 05/5/2009 là hai hợp đồng độc lập, cùng tồn tại song song; từ đó, quyết định chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông Ch do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án và không đúng quy định của pháp luật. Cho nên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án lao động phúc thẩm và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông Đỗ Thanh Ch phải chịu án phí Lao động sơ thẩm nhưng ông Ch là người cao tuổi và có đơn nên được miễn.

S tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí Lao động sơ thẩm và án phí Lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 343 và Điều 347 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 37/QĐ-VC2-LĐ ngày 12/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa Bản án lao động phúc thẩm số 01/2022/LĐ-PT ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Thanh Ch; về việc yêu cầu S tỉnh Đắk Lắk bồi thường do bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Về án phí:

Ông Đỗ Thanh Ch được miễn án phí Lao động sơ thẩm.

S tỉnh Đắk Lắk không phải chịu án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho S tỉnh Đắk Lắk số tiền 500.000đ *(Năm trăm ngàn đồng)*; bao gồm 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0040955 ngày 28/10/2016 và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0008038 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B; tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP (VP); Phòng GĐKT về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Thanh